TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 8 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công

2. Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 386/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc G, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Ngọc G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình tự tìm hiểu và yêu thương nhau nên chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân, đến ngày 18/8/2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn, chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T chung sống tại số nhà A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Dương Văn T không quan tâm đến gia đình, khi chị Lê Ngọc G bệnh, anh Dương Văn T cũng không quan tâm, thăm hỏi đến sức khỏe của chị Lê Ngọc G, anh Dương Văn T không đóng góp tiền để phụ giúp cùng chị Lê Ngọc G để chăm lo cho con; ngoài ra, anh Dương Văn T còn có tình cảm với người phụ nữ khác. Đến cuối tháng 4/2024, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên cũng có tạo điều kiện để anh Dương Văn T và chị Lê Ngọc G hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị Lê Ngọc G cũng cho anh Dương Văn T cơ hội nhưng anh Dương Văn T vẫn không thay đổi tính tình và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T không hàn gắn được. Từ tháng 4/2024, vợ chồng không còn gọi liên lạc với nhau nữa. Do vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Ngọc G yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn T.

Về con chung: Chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T có 04 (bốn) con chung tên Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/10/2001, Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 27/4/2005, Dương Thị Huỳnh G1, sinh ngày 28/10/2008, Dương Lê Ngọc T1, sinh ngày 19/9/2015. Khi ly hôn, chị Lê Ngọc G yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Dương Thị Huỳnh G1, sinh ngày 28/10/2008, Dương Lê Ngọc T1, sinh ngày 19/9/2015; không yêu cầu anh Dương Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/10/2001 và Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 27/4/2005 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung.

Anh Dương Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Lê Ngọc G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 2001. C sống đến đầu tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Dương Văn T không quan tâm, phụ giúp chị Lê Ngọc G chăm lo gia đình; nhiều lần có tình cảm với người phụ nữ khác. Đến cuối tháng 4/2024, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên cũng có tạo điều kiện để anh Dương Văn T và chị Lê Ngọc G hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị Lê Ngọc G cũng cho anh Dương Văn T cơ hội nhưng anh Dương Văn T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T không hàn gắn được. Chị Lê Ngọc G không xác định được địa chỉ hiện nay của anh Dương Văn T. Về quan hệ hôn nhân, yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn T. Về

con chung, yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Dương Thị Huỳnh G1, sinh ngày 28/10/2008 và Dương Lê Ngọc T1, sinh ngày 19/9/2015, hiện nay đang sống với chị Lê Ngọc G; đối với con chung tên Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/10/2001 và Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 27/4/2005 hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Dương Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc G. Về quan hệ hôn nhân, chị Lê Ngọc G được ly hôn với anh Dương Văn T. Chị Lê Ngọc G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Dương Thị Huỳnh G1, sinh ngày 28/10/2008 và Dương Lê Ngọc T1, sinh ngày 19/9/2015; anh Dương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/10/2001, Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 27/4/2005, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung, Thông báo định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ngày 25/6/2024, anh Dương Văn T có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 25/6/2024, anh Dương Văn T có cư trú và đăng ký thường trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nhưng thường vắng mặt tại địa phương do đi làm ăn xa; khi đi không có trình báo chính quyền địa phương nên không xác định được anh Dương Văn T đi đâu và thời gian trở về địa phương. Chị Lê Ngọc G không xác định được địa chỉ hiện nay của anh Dương Văn T. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xác định nơi cư trú của anh Dương Văn T tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Chị Lê Ngọc G khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Dương Văn T, yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Dương Văn T (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện

Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Anh Dương Văn T đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa, anh Dương Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 (hai) để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Văn T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của chị Lê Ngọc G về việc yêu cầu được ly hôn đối với anh Dương Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Lê Ngọc G cho rằng, chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T do mai mối nên tiến đến hôn nhân vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Dương Văn T không quan tâm gia đình và nhiều lần có tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ cuối tháng 4/2024 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T nhưng do anh Dương Văn T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lê Ngọc G yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn T.

Anh Dương Văn T đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc G.

Xét thấy, chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Dương Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc G theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T theo quy định của pháp luật nhưng anh Dương Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện anh Dương Văn T không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T nên lời trình bày của chị Lê Ngọc G về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Lê Ngọc G yêu cầu ly hôn anh Dương Văn T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dương con chung tên Dương Thị Huỳnh G1, sinh ngày 28/10/2008 và Dương Lê Ngọc T1, sinh ngày 19/9/2015 của chị Lê Ngọc G, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Lê Ngọc G xác định chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T có 04 (bốn) con chung tên Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/10/2001, Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 27/4/2005, Dương Thị Huỳnh G1, sinh ngày 28/10/2008, Dương Lê Ngọc T1, sinh ngày 19/9/2015, hiện nay đang sống với chị Lê Ngọc G. Khi ly hôn, chị Lê Ngọc G yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Dương Thị Huỳnh G1, sinh ngày 28/10/2008 và Dương Lê Ngọc T1, sinh ngày 19/9/2015, không yêu cầu anh Dương Văn T cấp dưỡng nuôi con; đối với con chung tên Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/10/2001 và Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 27/4/2005 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Dương Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị Lê Ngọc G, từ khi vợ chồng sống ly thân, các con chung sinh sống với chị Lê Ngọc G cho đến nay, quá trình sinh sống với chị Lê Ngọc G, các con chung được chị Lê Ngọc G chăm sóc, phát triển tốt. Hiện nay, chị Lê Ngọc Giàu c thu nhập và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; đồng thời, cháu Dương Thị Huỳnh G1 và Dương Lê Ngọc T1 đều có nguyện vọng được sống với chị Lê Ngọc G. Để ổn định cuộc sống cho cháu Dương Thị Huỳnh G1 và cháu Dương Lê Ngọc T1, giúp cháu Dương Thị Huỳnh G1 và cháu Dương Lê Ngọc T1 phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Lê Ngọc G yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Đối với con chng tên Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/10/2001 và Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 27/4/2005, hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Ngọc G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T ly hôn nên anh Dương Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, chị Lê Ngọc G không yêu cầu anh Dương Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Lê Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc G.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc G được ly hôn anh Dương Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 157, quyển số 01, ngày 18/8/2008 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Lê Ngọc G và anh Dương Văn T không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Lê Ngọc G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Dương Thị Huỳnh G1, sinh ngày 28/10/2008 và Dương Lê Ngọc T1, sinh ngày 19/9/2015. Hiện nay đang sống với chị Lê Ngọc G.

Anh Dương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Ngọc G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Dương Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Ngọc G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0015445 ngày 07/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang